

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Dân

Ông Phan Tùng Long

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Danh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Trọng C, sinh ngày: 06/6/1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh ngày: 19/02/1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Trọng C cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T sau thời gian tự do tìm hiểu, yêu đương đã đăng ký kết hôn ngày 22/02/2018, tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện L, tỉnh Hà Tĩnh theo số đăng ký: 14. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Đến cuối năm 2022, anh C, chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khác biệt về quan điểm, lối sống dẫn đến không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc. Sau đó, anh C về sinh sống tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa còn chị T tiếp tục làm việc tại Bình Dương. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lê Trọng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và các Biên bản làm việc tại Tòa án, chị Phan Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như nội dung Đơn khởi kiện của anh Lê Trọng C. Đến nay, chị T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc nên đồng ý ly hôn để mỗi người xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Chị T đang làm việc tại Bình Dương, do tính chất công việc, điều kiện đi lại không thuận lợi nên đề nghị Tòa án không hoà giải và giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T; vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn – chị Phan Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Tại đơn khởi kiện, anh Lê Trọng C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết. Do đó,

Toà án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tiến hành làm việc, bị đơn đồng ý ly hôn, thống nhất với các yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, xác định vụ án không có tranh chấp, các đương sự thuận tình ly hôn quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án ban hành Thông báo số 04/2024/TB-TA ngày 22/4/2024 về vụ án không tiến hành hòa giải được và mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.4] Các đương sự có Bản tự khai và đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T theo thủ tục chung.

[1.5] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 95, 96, 98, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T hôn nhân tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 22/02/2018, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Theo trình bày của anh Lê Trọng C, mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vợ chồng sống chung và trở nên trầm trọng từ năm 2022. Hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm, lối sống, không còn yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc; tháng 7 năm 2022, anh C đã về quê sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh C khẳng định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

[2.1.3] Chị Phan Thị T đồng ý với nội dung anh Lê Trọng C khởi kiện, không tranh chấp và đồng ý ly hôn.

[2.1.4] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ... nhưng hôn nhân của anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.1.5] Tại điểm a.1, a.3 khoản a Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Căn cứ cho ly hôn: ...Được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi: Vợ, chồng không thương yêu,*

quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống...”, “a.3. Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng”.

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn*” (Điều 55);

[2.1.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ và đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cũng như lời khai của chị Phan Thị T thì vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Trọng C và chị Phan Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trọng C và chị Phan Thị Tuyết .

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Trọng C, chị Phan Thị T chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Lê Trọng C phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Lê Trọng C đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai số 0012464 ngày 05/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, anh Lê Trọng C được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc chị Phan Thị T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- UBND xã Phù Lưu;
- Dương sự;
- Lưu: HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Ngọc Diệp

